

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO BẰNG
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2025/HSST
Ngày 16/5/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG, TỈNH CAO BẰNG:

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trịnh Văn Phương

Bà Nông Thị Thu Hương

- Thư ký phiên toà: Bà Nông Triệu Bảo Ngọc – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà: Bà Mã Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2025, tại điểm cầu trung tâm – Phòng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, điểm cầu thành phần – Phòng hỏi cung số 1, phân trại tạm giam khu vực thành phố C, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 53/2025/HSST ngày 28 tháng 4 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2025/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 5 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Đặng Trung T - sinh ngày: 04 tháng 01 năm 1985 tại thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Nơi cư trú: tổ A, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Đặng H - sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị V - sinh năm 1963; có vợ là Nguyễn Hương G - sinh năm 1991 (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: không

Đặc điểm nhân thân:

- Năm 2010 bị Công an phường S, thị xã C (nay là thành phố C) xử phạt vi phạm hành chính về hành vi lôi kéo người khác gây rối trật tự công cộng.

- Ngày 10/4/2015 bị Công an tỉnh C xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng.

- Ngày 25/5/2015 bị Công an thành phố C xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng.

- Năm 2021 Công an thành phố C xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/12/2024, hiện nay đang giam tại Phân trại tạm giam khu vực thành phố C; có mặt.

2. Nông Minh T1 - sinh ngày: 22 tháng 02 năm 1993 tại huyện H, tỉnh Cao Bằng; Nơi thường trú: xóm N, xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng; nơi ở hiện tại: tổ I, phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn C - sinh năm 1970 và bà Đàm Thị L - sinh năm 1970; có vợ là Đàm Thị Minh L1 - sinh năm 1989 và 02 con, con lớn sinh năm 2015 và con nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/12/2024, hiện nay đang giam tại Phân trại tạm giam khu vực thành phố C; có mặt.

3. Phạm Duy K - sinh ngày: 29 tháng 6 năm 1998 tại thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Nơi cư trú: tổ B, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 11/12; dân tộc: Tày; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H1 - sinh năm 1965 và bà Sầm Thị Kim L2 - sinh năm 1976; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không.

Đặc điểm nhân thân: năm 2018 bị Công an huyện H xử phạt vi phạm hành chính về hành vi gây rối trật tự công cộng.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/12/2024, hiện nay đang giam tại Phân trại tạm giam khu vực thành phố C; có mặt.

4. Đoàn Hải A - sinh ngày 11 tháng 9 năm 2006 tại huyện H, tỉnh Cao Bằng; Nơi thường trú: xóm B, xã B, huyện H, tỉnh Cao Bằng; nơi ở hiện tại: tổ F, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Tày; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn D - sinh năm 1981 và bà Nông Thị H2 - sinh năm 1982; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/12/2024, hiện nay đang giam tại Phân trại tạm giam khu vực thành phố C; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Lại Thị Bích T2 - sinh năm 2006; địa chỉ: tổ B, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

2. Trần Thị Thu T3 - sinh năm 2003; địa chỉ: tổ D, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

3. Trần Linh Ái T4 - sinh ngày 07/11/2007; địa chỉ: tổ B, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Người đại diện: Trần Thị X, sinh năm 1986; địa chỉ: xóm Q, xã P, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

4. Phạm Văn H1 - sinh năm 1965; địa chỉ: Tổ B, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

5. Lương Ngọc L3 - sinh năm 1991; địa chỉ: tổ D, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

6. Đàm Thế M; địa chỉ: xóm Đ, xã H, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

7. Đoàn Thị Minh T5 - sinh năm 1977; địa chỉ: tổ G, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 22 giờ 45 phút ngày 09/12/2024, nhận được tin báo của quần chúng nhân dân về việc: tại quán K1 thuộc tổ G, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng có một số đối tượng tụ tập có biểu hiện nghi vấn sử dụng trái phép chất ma túy, Đội cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế - ma túy Công an thành phố C đã tiến hành kiểm tra tại phòng số 666 quán K1 thuộc tổ G, phường Đ, thành phố C, phát hiện Đặng Trung T (*Sinh năm 1985; Trú tại: tổ A, phường Đ, thành phố C*), Nông Minh T1 (*Sinh năm 1993; Trú tại: tổ I, phường T, thành phố C*), Lại Thị Bích T2 (*Sinh năm 2006; Trú tại: tổ B, phường Đ, thành phố C*), Trần Thị Thu T3 (*Sinh năm 2003; Trú tại: tổ D, phường Đ, thành phố C*) và Trần Linh Ái T4 (*Sinh ngày: 07/11/2007; trú tại: tổ B, phường Đ, thành phố C*) đang có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Quá trình kiểm tra phát hiện, thu giữ: 01 (Một) túi nilon trong suốt có khóa vuốt bên trong chứa chất bột màu trắng ký hiệu QT1; 01 (Một) gói giấy vệ sinh màu trắng bên trong có 01 mẫu viên nén màu xám ký hiệu QT2; 01 (Một) chiếc đĩa sứ màu trắng; 01 (Một) thẻ ngân hàng B màu xanh có ghi chữ “DANG TRUNG THANH”; 01 (Một) ống hút được cuốn bằng tờ tiền Việt Nam mệnh giá 10.000đ (*Mười nghìn đồng*) được bọc ba đầu bằng đầu lọc thuốc lá màu vàng; 01 (Một) vỏ túi nilon trong suốt có khóa vuốt. Ngoài ra điện thoại di động của các đối tượng và thu giữ của Nông Minh T1 số tiền 670.000đ (*Sáu trăm bảy mươi nghìn đồng*); thu giữ của Đặng Trung T 01 (Một) xe ô tô biển kiểm soát 11CD - 000.60. Đặng Trung T khai nhận số chất bột màu trắng và viên nén màu xám bị thu giữ là ma túy tổng hợp của T mua với Phạm Duy K (*Sinh năm 1998; Trú tại: tổ B, phường Đ, thành phố C*).

Hồi 01 giờ 50 ngày 10/12/2024, tổ công tác Đội cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế - ma túy Công an thành phố C làm nhiệm vụ tại khu vực tổ B, phường Đ, thành phố C phát hiện Phạm Duy K có biểu hiện nghi vấn hoạt động phạm tội về ma túy nên tiến hành kiểm tra, phát hiện, thu giữ: 01 (Một) gói giấy vệ sinh màu trắng bên trong có 01 (Một) túi nilon zip chứa chất tinh thể màu trắng; 03 (Ba) viên nén màu xám; 01 (Một) điện thoại di động; 01 (Một) xe ô tô biển kiểm soát 11A - 077.08 và số tiền 2.740.000 (*Hai triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng*). Phạm Duy K khai nhận: số tinh thể màu trắng và viên nén màu xám bị thu giữ là ma túy tổng hợp.

Tại cơ quan điều tra K khai nhận số ma túy vừa bị thu giữ K mua với Đoàn Hải A. Hồi 14 giờ 15 phút ngày 10/12/2024 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C khám xét khẩn cấp người, chỗ ở của Đoàn Hải A tại tổ F, phường Đ, thành phố C phát hiện, thu giữ: 01 (Một) túi nilon trong suốt có khoá vuốt viền màu đỏ bên trong chứa chất tinh thể màu trắng; 01 (Một) điện thoại di

động; 01 (Một) cân điện tử màu xám bạc và 01 (Một) xe mô tô biển kiểm soát 11B1 - 325.93.

Hồi 17 giờ 55 phút 10/12/2024 cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố C mở niêm phong, cân xác định khối lượng tang vật thu giữ ký hiệu QT1 có khối lượng 0,04g (*Không thấy không bốn gam*), số tang vật ký hiệu QT2 có khối lượng 1,13g (*Một thấy một ba gam*); cân xác định khối lượng tang vật thu giữ của Phạm Duy K có tổng khối lượng 2,13g (*Hai thấy một ba gam*) trong đó: 03 (Ba) viên nén màu xám khối lượng 1,17g (*Một thấy một bảy gam*) và số tinh thể màu trắng khối lượng 0.96g (*Không thấy chín sáu gam*); cân xác định khối lượng tang vật thu giữ của Đoàn Hải A có tổng khối lượng 20,86g (*Hai mươi thấy tám sáu gam*).

Tại Bản kết luận giám định số 04 ngày 18/12/2024 của Phòng K2 Công an tỉnh C kết luận:

- “- Chất bột màu trắng bên trong phong bì niêm phong ghi “*Tang vật cân quả tang “QT01” Đặng Trung T*” gửi giám định là ma túy, loại: Ketamine.
- Viên nén màu xám bên trong phong bì niêm phong ghi “*Tang vật cân quả tang “QT02” Đặng Trung T*” gửi giám định là ma túy, loại: Methamphetamin, MDMA, Ketamine.
- Chất tinh thể màu trắng bên trong phong bì niêm phong ghi “*Mẫu gửi giám định chất tinh thể màu trắng. Phạm Duy K*” gửi giám định là ma túy, loại: Ketamine.
- Viên nén màu xám bên trong phong bì niêm phong ghi “*Mẫu gửi giám định viên nén màu xám. Phạm Duy K*” gửi giám định là ma túy, loại: Methamphetamin, MDMA, Ketamine.
- Chất tinh thể màu trắng bên trong phong bì niêm phong ghi “*Mẫu vật gửi giám định Đoàn Hải A*” gửi giám định là ma túy, loại: Methamphetamin.”

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều khai nhận: Khoảng 17 giờ ngày 09/12/2024 Đặng Trung T gọi điện thoại qua ứng dụng zalo cho Phạm Duy K đề hỏi mua 05 (Năm) viên ma túy tổng hợp và 01 (Một) chỉ Ketamine, K đồng ý báo giá 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng*) và hẹn T đến khu vực gần quán C2 thuộc tổ A, phường Đ, thành phố C để giao dịch. Sau đó, K gọi điện thoại cho Đoàn Hải A để mua 08 (Tám) viên ma túy tổng hợp và 02 (Hai) chỉ Ketamine, Hải A đồng ý báo giá 11.000.000đ (*Mười một triệu đồng*) rồi hẹn K đến khu vực Quảng trường km5 thuộc phường Đ, thành phố C để giao dịch. K điều khiển xe ô tô đến khu vực Quảng trường km5 gặp Hải A, tại đây K đưa cho Hải A số tiền 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng*), còn lại 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*) sẽ trả sau, Hải A đưa cho K 08 (Tám) viên nén màu xám và 01 (Một) túi nilon trong suốt có khóa vuốt bên trong chứa Ketamine. Sau khi nhận ma túy, K chia gói Ketamine ra thành 02 (Hai) gói đựng trong túi nilon có khóa vuốt rồi đến chỗ hẹn gặp T. Đến nơi, K đưa cho T 05 (Năm) viên ma túy tổng hợp và 01 (Một) chỉ Ketamine, T cầm lấy ma túy và chuyển số tiền 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng*) cho K qua ứng dụng ngân hàng, sau đó điều khiển xe ô tô đến quán H5 tại tổ B, phường Đ, thành phố C đón Nông Minh T1, Lại Thị Bích T2, Trần Linh Ái T4 cùng nhau

đến quán hát ĐVH tại tổ G, phường Đ, thành phố C thuê phòng 666 để hát. Tại phòng hát, T lấy 05 (Năm) viên ma túy tổng hợp đưa cho T1, T2, T4 mỗi người 01 (Một) viên cùng nhau sử dụng, viên còn lại T để trên bàn. Khoảng 10 phút sau, T điều khiển xe ô tô đi đón Trần Thị Thu T3 đến quán hát và đưa cho T3 1/2 viên ma túy tổng hợp, 1/2 viên còn lại T tiếp tục để trên bàn trong quán hát. Khoảng 30 phút sau T đi ra bếp của quán tự ý lấy 01 (Một) chiếc đĩa sứ màu trắng đem vào phòng hát và lấy túi nilon đựng Ketamine từ trong người ra đưa cho T1 cùng 01 (Một) thẻ ngân hàng màu xanh của T rồi bảo T1 “xào ke” để mọi người cùng nhau sử dụng. T1 đồng ý và đổ toàn bộ Ketamine ra đĩa dùng thẻ ngân hàng để trộn, miết, làm mịn số ma túy và chia thành các đường thẳng. Sau đó T1 lấy trong người ra 01 (Một) tờ tiền mệnh giá 10.000đ (Mười nghìn đồng) cuộn lại, ở hai đầu và ở giữa T1 kẹp đầu lọc thuốc lá vào để cố định thành dạng ống hút. Sau khi đã trộn xong Ketamine, T1 đưa cho Trần Linh Ái T4, Lại Thị Bích T2 sử dụng trước bằng hình thức hít vào cơ thể, T1 cũng tự sử dụng cho bản thân và đưa cho T sử dụng, khoảng 22 giờ 45 phút thì bị Cơ quan Công an phát hiện bắt quả tang.

Đối với Phạm Duy K, sau khi bán ma túy cho T, K cất số ma túy còn lại gồm 03 (Ba) viên ma túy tổng hợp và 01 (Một) chỉ Ketamine vào túi quần đang trước bên phải chiếc quần K đang mặc rồi điều khiển xe ô tô đến khu vực Quảng trường để đợi khách đi taxi thì bị cơ quan Công an bắt quả tang.

Về nguồn gốc số ma túy, Đoàn Hải A khai: khoảng 09 giờ ngày 08/12/2024, Hải A một mình đi xe khách từ thành phố C đến thành phố T mua ma túy với một người đàn ông khoảng 50 tuổi (không biết tên, địa chỉ) được 08 (T) viên ma túy tổng hợp; 01 (Một) túi nilon chứa Ketamine; 01 (Một) túi nilon chứa Methamphetamin với giá 32.400.000đ (Ba mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng) với mục đích bán lại kiếm lời. Sau đó, Hải A mua 01 (Một) cân điện tử với giá 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) xong đi xe khách về thành phố C. Khoảng 17 giờ ngày 09/12/2024 Hải A bán cho K 08 (Tám) viên ma túy tổng hợp và 02 (Hai) chỉ Ketamine với giá 11.000.000đ (Mười một triệu đồng) rồi quay về phòng trọ. Khoảng 02 giờ ngày 10/12/2024, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C đã tiến hành khám xét đối với Hải A và thu giữ toàn bộ vật chứng.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên khai:

Ông Phạm Văn H1 là bố của bị cáo Phạm Duy K, chiếc xe ô tô biển kiểm soát 11A - 077.08 là của ông mua lại để làm dịch vụ taxi và phục vụ nhu cầu của cả gia đình, ông không biết bị cáo K sử dụng xe để làm phương tiện mua bán ma túy nên đề nghị được trả lại.

Anh Lương Ngọc L3 là chủ sở hữu chiếc xe biển kiểm soát 11CD - 000.60, đã bán lại chiếc xe cho Đặng Trung T nhưng không làm giấy tờ mua bán.

Anh Đàm Thế M không có quan hệ gì với các bị cáo, năm 2023 anh mua lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 11B1 - 325.93 với một người tên là H3 ở tổ F, phường S nhưng không làm giấy tờ mua bán, sau đó cho Lý Văn Q mượn. Việc

Q cho ai mượn lại xe và sử dụng vào mục đích gì anh không biết nên anh đề nghị được trả lại chiếc xe.

Bà Đoàn Thị Minh T5 là chủ quán karaoke ĐVH xác nhận chiếc đĩa các bị cáo tự ý lấy để sử dụng ma túy hiện nay không còn giá trị sử dụng, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 54/CT-VKSTP ngày 28/4/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng quyết định truy tố bị cáo Đặng Trung T, Nông Minh T1 về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Đoàn Hải A về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự và truy tố bị cáo Phạm Duy K về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và khai bản thân không nghiện ma túy nhưng thỉnh thoảng có sử dụng, trước khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo chưa mua bán hay tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy lần nào. Số tiền bán ma túy có được bị cáo K đã trả cho bị cáo Hải A và bị cáo Hải A đã tiêu xài cá nhân hết. Đối với các vật chứng trong vụ án Đặng Trung T khai xe ô tô bị thu giữ là của T mua với Lương Ngọc L3 nhưng chưa trả tiền hết nên chưa thực hiện thủ tục sang tên. Đoàn Hải A khai xe mô tô bị thu giữ Hải A mượn của một người bạn tên là Đàm Văn Q1 hiện nay đang đi chấp hành án tại đâu bị cáo không biết, ngoài ra bị cáo còn bị thu giữ 01 (Một) cân điện tử mặc dù mới mua nhưng hiện nay bị cáo xác định không còn giá trị sử dụng nên đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng giữ nguyên quyết định truy tố và trình bày quan điểm về nguyên nhân phạm tội, hướng giải quyết vụ án như sau: các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức rõ ma túy là vật cấm tàng trữ, lưu hành nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi xâm phạm đến chế độ quản lý các chất ma túy của Nhà nước. Tuy nhiên quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, bố của bị cáo T được Nhà nước tặng thưởng huy chương nên đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b, điểm c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự tuyên bố Đặng Trung T phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”, xử phạt bị cáo từ 8 năm đến 9 năm tù.

Áp dụng điểm b, điểm c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự tuyên bố Nông Minh T1 phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”, xử phạt bị cáo từ 07 năm 03 tháng đến 07 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự, tuyên bố Đoàn Hải A phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, xử phạt bị cáo từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự tuyên bố Phạm Duy K phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, xử phạt bị cáo từ 3 năm đến 3 năm 6 tháng tù.

Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng của vụ án: đề nghị tịch thu tiêu hủy vật chứng là ma túy và vật chứng các bị cáo để thực hiện hành vi phạm tội; tịch thu phát mại điện thoại di động của các bị cáo Đoàn Hải A và Phạm Duy K, Đặng Trung T và tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 10.000đ (*Mười nghìn đồng*) của bị cáo T1.

Trả lại cho bị cáo Nông Minh T1 điện thoại di động và số tiền 670.000đ (Sáu trăm bảy mươi nghìn đồng) và trả lại cho bị cáo Phạm Duy K số tiền 2.740.000đ (Hai triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng) do không liên quan đến hành vi phạm tội. Đối với 02 xe ô tô thu giữ của bị cáo Đặng Trung T, Phạm Duy K và 01 xe mô tô thu giữ của bị cáo Đoàn Hải A cần trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp. Đối với 02 xe ô tô và 01 xe mô tô cần trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp.

Về án phí: buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Các bị cáo nhất trí với kết luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng về tội danh, hành vi phạm tội, mức hình phạt và quan điểm xử lý vật chứng nên không có ý kiến tranh luận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Văn H1 đề nghị được trả lại chiếc xe ô tô để làm phương tiện phục vụ công việc và nhu cầu đi lại của cả gia đình.

Khi được nói lời sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội: Lời khai của bị cáo Đặng Trung T, Nông Minh T1, Phạm Duy K và Đoàn Hải A phù hợp với nhau và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra vụ án. Cụ thể như: biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám xét, biên bản kiểm tra điện thoại và các vật chứng thu giữ.

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử nhận định, có đủ căn cứ chứng minh vào hồi 22 giờ 30 phút ngày 09/12/2025 Đội cảnh sát điều tra tội phạm về Kinh tế - Ma túy Công an thành phố C phát hiện tại phòng hát số 666 quán K1 thuộc tổ G, phường Đ, thành phố C đang tàng trữ 0,04g (*Không thấy không bốn gam*) Ketamine và 0,13g (*Không thấy mười ba gam*) Methamphetamin, MDMA, Ketamine của Đặng Trung T mua với Phạm Duy K. T đưa cho Nông Minh T1 đĩa sứ và thẻ ATM để T1 nghiền ma túy, còn T1 dùng tờ tiền quán thành ống hút để cho Đặng Trung T, Nông Minh T1, Trần Linh Ai T4 (17 tuổi 01 tháng 02 ngày), Lại Thị Bích T2 và Trần Thị Thu T3 sử dụng ma túy.

Hồi 02 giờ 00 ngày 10/12/2024, tại tổ B, phường Đ, thành phố C, Công an thành phố C bắt quả tang Phạm Duy K có hành vi tàng trữ 2,13g (*Hai thấy một ba gam*) Methamphetamin, MDMA, Ketamine nhằm mục đích để bán lại kiếm lời. Do đó, Phạm Duy K phải chịu trách nhiệm hình sự đối với 2,3g (*Hai thấy ba gam*) Methamphetamin, MDMA, Ketamine nguồn gốc K mua với Đoàn Hải A với giá 11.000.000đ (*Mười một triệu đồng*). Hồi 14 giờ 15 phút cùng ngày, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Đoàn Hải A tại tổ F, phường Đ, thành phố C phát hiện Đoàn Hải A đang tàng trữ 20,86g (*Hai mươi thấy tám sáu gam*) M1. Do đó, Đoàn Hải A phải chịu trách nhiệm hình sự đối với 23,16g (*Hai mươi ba thấy mười sáu gam*) ma túy có nguồn gốc mua với 1 người đàn ông không quen biết ở Thái Nguyên với giá 32.400.000đ (*Ba mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng*) nhằm mục đích bán lại kiếm lời.

Khi thực hiện hành vi, các bị cáo đều có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và ý thức được việc làm của mình bị pháp luật ngăn cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo Đặng Trung T, Nông Minh T1 về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Đoàn Hải A về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự và truy tố bị cáo Phạm Duy K về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

“Điều 255. Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy

1....

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm

...

b) Phạm tội hai lần trở lên;

c) Đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi;

....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

“Điều 251. Tội mua bán trái phép chất ma túy:

1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

i) Heroine, C1, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam;

....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

[3]. Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, đi ngược lại chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong cuộc đấu tranh đẩy lùi và bài trừ tệ nạn ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội nên cần xử lý nghiêm khắc để làm gương cho người khác, đồng thời phục vụ công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm ma túy ở địa phương.

Nhân thân: các bị cáo Đặng Trung T, Phạm Duy K có nhân thân xấu.

Tình tiết giảm nhẹ: trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bố của bị cáo Đặng Trung T được Chủ tịch nước tặng Huy chương chiến sĩ vẻ vang nên được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tình tiết tăng nặng: các bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4]. Hình phạt chính:

Căn cứ hành vi phạm tội, nhân thân cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bị cáo Đặng Trung T và bị cáo Nông Minh T1 có hai tình tiết định khung nên phải áp dụng hình phạt trên mức khởi điểm của khung hình phạt. Xét vai trò của các bị cáo nhận thấy: hai bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, không có sự câu kết chặt chẽ, phân công nhiệm vụ cụ thể, trong đó bị cáo T trực tiếp giao dịch mua ma túy, cung cấp địa điểm, công cụ, phương tiện nên có vai trò lớn hơn và phải chịu hình phạt cao hơn so với bị cáo T1 chỉ là người giúp sức.

Các bị cáo Phạm Khánh D1, Đoàn Hải A không phải đối tượng nghiên, việc tàng trữ ma túy không nhằm mục đích mua bán chuyên nghiệp. Cả hai bị

cáo không có tình tiết tăng nặng nhưng khối lượng ma túy tàng trữ lớn nên phải áp dụng dụng hình phạt trên mức khởi điểm của khung hình phạt mới tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều không có nghề nghiệp thu nhập ổn định, ngoài ra bị cáo Nông Minh T1 và Đoàn Hải A là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, hộ nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, xét thấy cần tịch thu tiêu hủy vật chứng là ma túy vì là vật bị cấm tàng trữ lưu hành và các vật chứng các vật chứng là công cụ, phương tiện phạm tội không còn giá trị sử dụng; tịch thu phát mai điện thoại di động của các bị cáo Đoàn Hải A và Phạm Duy K, Đặng Trung T và tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 10.000đ (*Mười nghìn đồng*) của bị cáo T1 sử dụng để làm công cụ sử dụng ma túy

Trả lại cho bị cáo Nông Minh T1 điện thoại di động và số tiền 670.000đ (*Sáu trăm bảy mươi nghìn đồng*) và trả lại cho bị cáo Phạm Duy K số tiền 2.740.000đ (*Hai triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng*) do không liên quan đến hành vi phạm tội.

Đối với xe ô tô thu giữ của Đặng Trung T bị cáo khai mua lại với anh Lương Ngọc L3 nhưng không có giấy tờ mua bán, bị cáo chưa thực hiện thủ tục sang tên vì chưa trả hết tiền. Xét thấy, việc mua bán xe không làm hợp đồng mua bán có công chứng hoặc chứng thực theo quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự và điểm g khoản 1 Điều 10 Thông tư số 15/2014/TT-BCA ngày 04/4/2014 của Bộ C3 quy định về đăng ký xe nên không đủ căn cứ để chứng minh quyền sở hữu hợp pháp của bị cáo. Do đó, cần trả lại chiếc xe cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Lương Ngọc L3.

Xe mô tô thu giữ của bị cáo Phạm Duy K là của bố bị cáo, thời điểm bị cáo sử dụng xe để thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy bố của bị cáo không biết nên xét thấy cần trả lại chiếc xe cho chủ sở hữu hợp pháp.

Xe mô tô thu giữ của bị cáo Đoàn Hải A khai mượn của một người bạn tên Đàm Văn Q1 hiện nay đang đi chấp hành án ở đâu bị cáo không biết. Tuy nhiên, theo phiếu trả lời xác minh xe thì chủ xe là Nông Khánh D2, tháng 5/2020 D2 đã bán chiếc xe cho một người tên H3 ở tổ F, phường S, thành phố C, do thời gian đã lâu, giấy tờ mua bán đã bị thất lạc. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đàm Thế M khai đã mua lại chiếc xe trên với H3 nhưng không làm giấy tờ mua bán và có cho Q1 mượn xe để sử dụng nên xét thấy cần trả lại chiếc xe cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đàm Thế M.

Trả lại cho bị cáo Nông Minh T1 điện thoại di động cùng số tiền 670.000đ (*Sáu trăm bảy mươi nghìn đồng*) và trả lại cho bị cáo Phạm Duy K số tiền 2.740.000đ (*Hai triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng*) vì không liên quan đến hành vi phạm tội.

Đối với chiếc thẻ ngân hàng bị cáo T đưa cho bị cáo T1 để nghiên ma túy nhưng xét thấy đây là giấy tờ cá nhân nên cần trả lại cho bị cáo.

Buộc các bị cáo Đoàn Hải A, Phạm Duy K nộp lại số tiền do bán ma túy mà có.

Điện thoại di động của Lại Thị Bích T2, Trần Thị Thu T3 và Trần Linh Ái T4 đã được cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố C trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[7]. Các nhận định khác:

Về nguồn gốc ma túy bị thu giữ, Đoàn Hải A mua với một người đàn ông không quen biết, việc trao đổi mua bán ma túy không có ai biết và chứng kiến nên không có căn cứ kiến nghị mở rộng vụ án.

Đối với hành vi của Lại Thị Bích T2, Trần Thị Thu T3 và Trần Linh Ái T4 là những người được Đặng Trung T rủ đến tham gia sử dụng trái phép chất ma túy. Quá trình điều tra xác định không có hành vi giúp sức cho các bị cáo trong việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên ngày 03/01/2025 Công an thành phố C đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy là phù hợp quy định pháp luật.

[8]. Về nghĩa vụ chịu án phí:

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tại phiên tòa về tội danh, hình phạt và quan điểm xử lý vật chứng là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hoàn cảnh kinh tế của các bị cáo, nên cần được chấp nhận.

Xét đề nghị được trả lại tài sản của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự nên cần được chấp nhận.

Xét đề nghị xin được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất của các bị cáo là thể hiện sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, nên cần được xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và mức hình phạt:

1.1. Căn cứ vào điểm b, điểm c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Đặng Trung T phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Xử phạt Đặng Trung T 08 năm tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 09/12/2024.

1.2. Căn cứ vào điểm b, điểm c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nông Minh T1 phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Xử phạt Nông Minh T1 07 năm 03 tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 09/12/2024.

1.3. Căn cứ điểm i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố Đoàn Hải A phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, xử phạt Đoàn Hải A 08 năm tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 10/12/2024.

1.4. Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố Phạm Duy K phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, xử phạt Phạm Duy K 03 năm tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 10/12/2024.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (Một) phong bì niêm phong, mặt trước ghi: “Số 04/KL-KTHS. H4 lại mẫu sau giám định vụ Đặng Trung T có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Bắt ngày 09/12/2024”. Mặt sau phong bì có chữ ký của những người tham gia niêm phong và đóng dấu giáp lai của Phòng K2 Công an tỉnh C (Kèm theo Kết luận giám định số 04/KL-KTHS, ngày 18/12/2024 của Phòng K2 Công an tỉnh C);

+ 01 (Một) phong bì niêm phong, mặt trước ghi: “Tang vật cân khám xét ĐOÀN HẢI ANH, sinh năm 2006; HKTT: Bản Sảng, B, H, Cao Bằng; chỗ ở: tổ F, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Hành vi: Mua bán trái phép chất ma túy. Bắt ngày 10/12/2024”. Mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và 03 (Ba) dấu tròn của cơ quan CSĐT Công an thành phố C;

+ 01 (Một) phong bì niêm phong, mặt trước ghi: “Tang vật cân quả tang chất tinh thể màu trắng PHẠM DUY K, sinh năm 1998; HKTT: tổ B, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Hành vi: Mua bán trái phép chất ma túy, bắt ngày 10/12/2024”. Mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và 03 (Ba) dấu tròn của cơ quan CSĐT Công an thành phố C;

+ 01 (Một) phong bì niêm phong, mặt trước ghi: “Tang vật cân quả tang viên nén màu xám PHẠM DUY K, sinh năm 1998; HKTT: tổ B, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Hành vi: Mua bán trái phép chất ma túy, bắt ngày 10/12/2024”. Mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và 03 (Ba) dấu tròn của cơ quan CSĐT Công an thành phố C;

+ 01 (Một) chiếc đĩa sứ màu trắng;

+ 01 (Một) vỏ túi nilon trong suốt có khóa vuốt;

+ 01 (Một) cân điện tử màu xám bạc.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 10.000đ (Mười nghìn đồng) đựng trong 01 (Một) phong bì niêm phong, mặt trước ghi: “Tiền Việt Nam: 10.000đ (Mười nghìn đồng) Nông Minh T1, sinh năm 1993; HKTT: Ngũ Lão, H, Cao Bằng”. Mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và 04 (Bốn) dấu tròn của Phòng K2 Công an tỉnh C (kèm theo Kết luận giám định số 155/KL-KTHS ngày 24/02/2025 của Phòng K2 Công an tỉnh C).

- Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước:

+ 01 (Một) chiếc điện thoại di động màu vàng, có số IMEI (theo quyết định chuyển vật chứng): 353239104570020, điện thoại cũ đã qua sử dụng. Do điện thoại không bật được nguồn nên không kiểm tra thực tế được số IMEI trong máy;

+ 01 (Một) chiếc điện thoại di động màu trắng, mặt sau có chữ iPhone, số IMEI (theo quyết định chuyển vật chứng): 357260092264513, điện thoại cũ đã qua sử dụng. Do điện thoại không bật được nguồn nên không kiểm tra thực tế được số IMEI trong máy;

+ 01 (Một) chiếc điện thoại màu xám, mặt sau có chữ OPPO, số IMEI1 (theo quyết định chuyển vật chứng): 861042060858974, điện thoại cũ đã qua sử dụng. Do điện thoại không bật được nguồn nên không kiểm tra thực tế được số IMEI trong máy.

- Trả lại cho bị cáo Đặng Trung T 01 (Một) chiếc thẻ ngân hàng B màu xanh có ghi chữ “DANG TRUNG THANH”.

- Trả lại cho bị cáo Nông Minh T1 01 (Một) chiếc điện thoại di động màu xám, mặt sau có chữ OPPO, số IMEI1 (theo quyết định chuyển vật chứng): 862774065225879, điện thoại cũ đã qua sử dụng. Do điện thoại không bật được nguồn nên không kiểm tra thực tế được số IMEI trong máy và số tiền 670.000đ (Sáu trăm bảy mươi nghìn đồng) đựng trong 01 (Một) phong bì niêm phong, mặt trước ghi: “Tiền Việt Nam: 670.000đ (Sáu trăm bảy mươi nghìn đồng) NÔNG MINH THIẾT, sinh năm 1993; HKTT: Ngõ Lão, H, Cao Bằng”. Mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và 04 (Bốn) dấu tròn của Phòng K2 Công an tỉnh C (kèm theo Kết luận giám định số 155/KL-KTHS ngày 24/02/2025 của Phòng K2 Công an tỉnh C).

- Trả lại cho bị cáo Phạm Duy K số tiền 2.740.000đ (Hai triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng) đựng trong 01 (Một) phong bì niêm phong, mặt trước ghi: “Tiền Việt Nam: 2.740.000đ (Hai triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng) PHẠM DUY K, sinh năm 1998; HKTT: tổ B, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng”. Mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và 04 (Bốn) dấu tròn của Phòng K2 Công an tỉnh C (kèm theo Kết luận giám định số 155/KL-KTHS, ngày 24/02/2025 của Phòng K2 Công an tỉnh C) nhưng cần giữ lại để bảo đảm thi hành án.

- Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lương Ngọc L3; địa chỉ: tổ D, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng 01 (Một) chiếc xe ô tô màu bạc, nhãn hiệu MÍTUBISHI, mang BKS: 11CD - 000.60, loại xe: ô tô CD chở tiền; số loại: PJERO, màu sơn: bạc, số khung: JMYLNV93W8J000688; số máy: 6G72TN8084; dung tích xi lanh: 2972cm³ (năm SX: 2008), xe cũ đã qua sử dụng, do xe đã cũ nên một số bộ phận của xe đã bị han gỉ, bạc màu (xe có 01 chìa khóa kèm theo).

- Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Văn H1; địa chỉ: tổ B, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng 01 (Một) chiếc xe ô tô màu trắng, nhãn hiệu TOYOTA, mang biển kiểm soát 11A - 077.08, loại xe ô tô con; số loại: VIOS E, màu sơn: trắng, số khung: RL4BW9F34F4003046; số máy:

2NZ7735216; dung tích xi lanh: 1299cm³ (năm SX: 2015), xe cũ đã qua sử dụng, do xe đã cũ nên một số bộ phận của xe đã bị han gỉ (xe có 01 chìa khóa kèm theo).

- Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đàm Thế M; địa chỉ: xóm Đ, xã H, huyện H, tỉnh Cao Bằng 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA DREAM màu trắng nâu, biển kiểm soát 11B1 - 325.93, xe cũ đã qua sử dụng. Số khung: RLHHA0804AY203481; số máy: HA08E1502051, loại xe hai bánh từ 50-175cm³, nhãn hiệu HONDA, loại DREAM, màu sơn: Nâu, dung tích xi lanh: 979cm³, năm sản xuất: 2012, xe cũ đã qua sử dụng, do xe đã cũ nên một số bộ phận của xe đã bị han gỉ, bạc màu, xe không có gương chiếu hậu (xe có 01 chìa khóa kèm theo).

Buộc các bị cáo Đoàn Hải A, Phạm Duy K mỗi bị cáo nộp lại số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

3. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Đặng Trung T, Nông Minh T1, Phạm Duy K và Đoàn Hải A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Công an tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát tỉnh Cao Bằng;
- Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát Tp Cao Bằng;
- Thi hành án DS Tp Cao Bằng;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hiền

